**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG**

**BỘ MÔN NGÔN NGỮ**

**ĐỀ XUẤT**

**Vv: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG ANH**

**ÁP DỤNG CHO SINH VIÊN K26**

**I. BÀI THI**

**A. KHỐI KHÔNG CHUYÊN**

**1. TIẾNG ANH BẮT ĐẦU**

- Bài thi Đọc; Viết; Nghe: tự thiết kế theo format: ½ trắc nghiệm và ½ tự luận

- Nói: Theo hình thức hỏi đáp; chủ điểm thi nói được thông báo trước

- Độ dài: Đọc; Viết; Nghe: 100’

Nói: 5’/ sinh viên

**2. TIẾNG ANH SƠ CẤP 1**

- Bài thi Đọc; Viết; Nghe: tự thiết kế theo format của KET nhưng ngữ liệu bám theo chương trình New Headway

- Nói: Theo hình thức hỏi đáp; chủ điểm thi nói được thông báo trước

- Độ dài: Đọc; Viết; Nghe: 110’

Nói: 5’/ sinh viên

**3. TIẾNG ANH SƠ CẤP 2**

- Bài thi Đọc; Viết; Nghe: biên soạn theo đề KET

- Nói: biên soạn theo đề KET, hình thức thi nói được thông báo trước; chủ điểm không được thông báo trước

- Độ dài: Đọc; Viết; Nghe: 110’

Nói: 8’/ sinh viên

**4. TIẾNG ANH SƠ TRUNG CẤP 1**

- Bài thi Đọc; Viết; Nghe: tự thiết kế theo format của PET nhưng ngữ liệu bám theo chương trình New Headway

- Nói: biên soạn theo đề PET, hình thức thi nói được thông báo trước; chủ điểm không được thông báo trước

- Độ dài: Đọc; Viết; Nghe: 110’

Nói: 10’/ sinh viên

**2. TIẾNG ANH SƠ TRUNG CẤP 2**

- Bài thi Đọc; Viết; Nghe: theo đề PET

- Nói: biên soạn theo đề PET, hình thức thi nói được thông báo trước; chủ điểm không được thông báo trước

- Độ dài: Đọc; Viết; Nghe: 110’

Nói: 10’/ sinh viên

**II. ĐIỂM QUÁ TRÌNH**

**1. KHỐI KHÔNG CHUYÊN**

ĐIỀU KIỆN CẤM THI: Áp dụng với 1 trong 3 trường hợp sau

- ĐIỂM 1 KỸ NĂNG ≤ 3 (Các kỹ năng bao gồm: Nghe; Nói; Đọc Viết)

- Số buổi nghỉ học: 3 buổi/1 kỹ năng

- ĐIỂM TỔNG KẾT CẢ 3 KỸ NĂNG ≤ 5.0

**2. KHỐI CHUYÊN NGỮ**

ĐIỀU KIỆN CẤM THI: Áp dụng với 1 trong 3 trường hợp sau

- ĐIỂM 1 KỸ NĂNG ≤ 4 (Các kỹ năng bao gồm: Nghe; Nói; Đọc; Viết; Pronunciation; Headway)

- Số buổi nghỉ học: 3 BUỔI/KỸ NĂNG

- ĐIỂM TỔNG KẾT TẤT CẢ CÁC KỸ NĂNG ≤ 6.0

**III. ĐIỂM THI CUỐI KỲ**

**1. KHỐI KHÔNG CHUYÊN**

**Hiên tại đang có 2 phương án**

Phương án A: - ĐIỂM ĐẠT: ĐIỂM TỔNG KẾT ≥ 7.0 (theo chuẩn Cambridge)

Nếu thực hiện theo phương án này giáo viên cần giải thích rõ cho sinh viên cách tính điểm của bài thi và cách quy đổi.

**Phương án B**: - ĐIỂM ĐẠT: ĐIỂM TỔNG KẾT ≥ 5.0 (sau khi đã quy đổi từ thang điểm của Cambridge về thang 5.0 của Thăng long; Thầy Phú đã cho công thức tính)

**2. KHỐI CHUYÊN NGỮ**

- ĐIỂM ĐẠT: ĐIỂM TỔNG KẾT ≥ ????

**IV. HÌNH THỨC CHẤM BÀI**

**- TT Trắc nghiệm chấm quét máy 35 câu bài đọc**

**- BMTA: chấm tay phần Nghe và Viết**

**V. HỆ SỐ TÍNH TIỀN RA ĐỀ, HỎI THI, CHẤM BÀI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công việc** | **Hiện tại** | | **Đề xuất** | |
| Ra đề nghe | 90.000/de |  |  |  |
| Ra đề ĐV | Đề dài: 150.000/1 đề  Đề ngắn: 90.000/ 1 đề |  |  |  |
| Đề tài thi nói | 0 |  |  |  |
| Hỏi thi nói | 90.000/ 1 ca |  |  |  |
| Châm bài | TA Chuyên : 6.000/ 1 bài, không chuyên: 2.500/1 bài  Tiểu luận: 18.000/ 1 bài |  |  |  |

**VI. HỎI THI NÓI**

**- tách ca thi nói theo số lượng sinh viên để tránh trường hợp quá tải cho giáo viên**

**Ví dụ: Môn SC2 thi ca 1-2 ngày thứ 2 với số lượng 400 sinh viên**

**Đề xuất tách như sau:**

**Ca 2 ngày thứ 2: 150 sv thi nói (cần khoảng 7 giáo viên)**

**Ca 4 ngày thứ 2: 120 sv thi nói (cần khoảng 6gv)**

**Ca 3 ngày thứ 5: 130sv thi nói (cần khoảng7 gv)**

**VII. NHẬP ĐIỂM**

**????**